

## **Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 32

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 Đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trại giống cây trồng Lâm Hà, trại giống cây trồng Tân Hiệp và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam, các chi nhánh tại Hà Nội, Miền Trung, Trà Vinh và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch	
Bà Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	
Ông Hàng Phi Quang	Thành viên	
Ông Bùi Quang Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Nam	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Hòa	Thành viên	từ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Quang Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Lê Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Trịnh Minh Hợp	Phó Tổng giám Đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2017

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Bùi Quang Sơn	Tổng Giám đốc	từ ngày 9 tháng 1 năm 2017
Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc	đến ngày 8 tháng 1 năm 2017

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61000411/19357593/LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3021-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

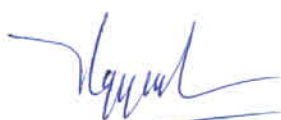
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>297.947.256.778</b>	<b>280.794.375.969</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>55.648.944.252</b>	<b>36.241.991.816</b>
111	1. Tiền		37.334.315.852	18.092.986.211
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.314.628.400	18.149.005.605
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>96.554.914.800</b>	<b>110.179.605.208</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	66.642.666.247	82.779.463.930
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	12.417.952.758	12.523.995.410
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.284.287.000	1.324.287.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	22.044.299.526	18.970.333.393
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6, 7	(5.890.809.394)	(5.470.926.361)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		56.518.663	52.451.836
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>140.676.614.232</b>	<b>130.185.267.133</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	142.337.542.007	130.866.923.654
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(1.660.927.775)	(681.656.521)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.066.783.494</b>	<b>4.187.511.812</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.111.764.762	1.010.105.845
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	2.876.590.501	3.177.405.967
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	78.428.231	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>108.487.122.885</b>	<b>114.181.345.178</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>86.514.112.598</b>	<b>89.332.155.158</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	47.069.947.186	50.229.194.682
222	Nguyên giá		122.831.219.791	120.774.936.318
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(75.761.272.605)	(70.545.741.636)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	39.444.165.412	39.102.960.476
228	Nguyên giá		44.636.009.233	43.967.859.233
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.191.843.821)	(4.864.898.757)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>12.144.885.972</b>	<b>12.444.043.962</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.144.885.972	12.444.043.962
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>3.571.595.025</b>	<b>3.942.189.417</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		7.549.764.000	7.549.764.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.978.168.975)	(3.607.574.583)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.256.529.290</b>	<b>8.462.956.641</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.362.528.362	4.491.958.876
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.894.000.928	3.970.997.765
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>406.434.379.663</b>	<b>394.975.721.147</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>43.594.538.191</b>	<b>48.286.157.823</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>41.903.951.649</b>	<b>47.453.283.281</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	19.421.997.973	18.493.507.762
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	4.097.275.130	842.431.253
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.282.116.332	4.662.933.668
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.143.153.458	4.217.862.471
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.659.408.756	5.731.477.928
320	6. Vay ngắn hạn	19	4.300.000.000	10.304.768.864
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	-	3.200.301.335
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.690.586.542</b>	<b>832.874.542</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.690.586.542	832.874.542
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>362.839.841.472</b>	<b>346.689.563.324</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>362.839.841.472</b>	<b>346.689.563.324</b>
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
415	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(817.291.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		96.999.066.960	93.495.828.385
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		108.213.981.740	95.566.942.167
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		87.143.162.270	59.421.449.170
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		21.070.819.470	36.145.492.997
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>406.434.379.663</b>	<b>394.975.721.147</b>



Đoàn Xuân Khánh Quyên  
Người lập



Lê Quang Hồng  
Kế toán trưởng





Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

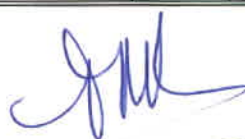


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	288.189.862.307	258.142.771.493
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(28.081.066.232)	(34.427.436.606)
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	260.108.796.075	223.715.334.887
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(196.592.725.611)	(159.851.808.354)
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.516.070.464	63.863.526.533
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.724.243.271	1.205.736.686
22	7. Chi phí tài chính	22	(836.700.482)	(3.602.385.982)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(178.659.568)	(2.823.783.064)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(16.147.745.647)	(18.474.507.124)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(23.151.473.690)	(17.948.535.757)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.104.393.916	25.043.834.356
31	11. Thu nhập khác	25	880.904.136	18.596.646
32	12. Chi phí khác	25	(639.699.930)	-
40	13. Lợi nhuận khác	25	241.204.206	18.596.646
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.345.598.122	25.062.431.002
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(2.197.781.815)	(1.007.589.424)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(2.076.996.837)	(2.168.302.458)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		21.070.819.470	21.886.539.120

  
Đoàn Xuân Khánh Quyên  
Người lập

  
Lê Quang Hồng  
Kế toán trưởng

  
Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>25.345.598.122</b>	<b>25.062.431.002</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	5.604.107.582	5.731.899.672
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		1.769.748.679	(7.725.784.768)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		55.397.409	(29.638.563)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(360.864.042)	(769.022.813)
06	Chi phí lãi vay	22	178.659.568	2.823.783.064
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>32.592.647.318</b>	<b>25.093.667.594</b>
09	Giảm các khoản phải thu		13.427.194.610	13.565.374.384
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(11.470.618.353)	29.401.053.593
11	Tăng các khoản phải trả		4.545.251.275	3.456.304.669
12	Tăng chi phí trả trước		(972.228.403)	(3.784.301.167)
14	Tiền lãi vay đã trả		(806.803.889)	(2.425.979.882)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.541.076.658)	(1.178.539.598)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.054.711.735)	(2.733.391.163)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>27.537.764.290</b>	<b>61.394.188.430</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(2.533.506.483)	(552.243.800)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		22.727.273	-
27	Tiền lãi đã nhận		384.736.220	769.022.813
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.126.042.990)</b>	<b>216.779.013</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		4.300.000.000	93.310.382.798
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.304.768.864)	(100.348.260.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(6.004.768.864)</b>	<b>(7.037.877.202)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		19.406.952.436	54.573.090.241
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		36.241.991.816	22.150.190.542
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	55.648.944.252	76.723.280.783



Đoàn Xuân Khánh Quyên  
Người lập



Lê Quang Hồng  
Kế toán trưởng




Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 Đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trại giống cây trồng Lâm Hà, trại giống cây trồng Tân Hiệp và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam, các chi nhánh tại Hà Nội, Miền Trung, Trà Vinh và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 266 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 266 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Bản quyền	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

**3.7 Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Đầu tư vào các công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty con vào ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.11 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Dự phòng**

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán sáu tháng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	352.637.050	449.973.222
Tiền gửi ngân hàng	36.981.678.802	17.643.012.989
Các khoản tương đương tiền	18.314.628.400	18.149.005.605
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.648.944.252</b>	<b>36.241.991.816</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng, và hưởng lãi suất ngân hàng có thể áp dụng.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ bên khác	38.235.048.149	76.060.811.704
<i>Công ty TNHH An Huy B.T</i>	8.000.280.000	-
<i>Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và</i>		
<i>Phát triển Nông thôn</i>	-	46.208.800.000
<i>Các khách hàng khác</i>	30.234.768.149	29.852.011.704
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	28.407.618.098	6.718.652.226
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.642.666.247</b>	<b>82.779.463.930</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.652.008.907)	(3.878.450.664)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>62.990.657.340</b>	<b>78.901.013.266</b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho bên khác	12.393.447.953	12.523.995.410
<i>Công ty TNHH Asia Pacific (NZ) Ltd., Co.</i>	41.872.860	1.701.976.648
<i>Các người bán khác</i>	12.351.575.093	10.822.018.762
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	24.504.805	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.417.952.758</b>	<b>12.523.995.410</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cho bên liên quan vay ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.124.287.000	1.124.287.000
Cho cán bộ công nhân viên vay	160.000.000	200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.284.287.000</b>	<b>1.324.287.000</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.124.287.000)	(1.124.287.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>160.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tạm ứng cho nhân viên	12.345.228.839	9.995.440.645
Tạm ứng cho nông dân	1.460.198.721	3.623.894.139
Ký cược, ký quỹ	994.963.625	1.133.668.230
Trung tâm Khuyến nông Quốc Gia	818.110.125	818.110.125
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	468.188.697	468.188.697
Khác	5.957.609.519	2.931.031.557
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.044.299.526</b>	<b>18.970.333.393</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.114.513.487)	(468.188.697)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>20.929.786.039</b>	<b>18.502.144.696</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	15.567.634.544	-	13.228.186.947	(527.059.669)
Thành phẩm	116.302.153.418	(1.660.927.775)	93.740.519.243	(154.596.852)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.753.165.438	-	12.855.851.628	-
Hàng hóa	2.669.608.815	-	9.405.872.176	-
Công cụ, dụng cụ	2.044.979.792	-	1.636.493.660	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>142.337.542.007</b>	<b>(1.660.927.775)</b>	<b>130.866.923.654</b>	<b>(681.656.521)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	(681.656.521)	(10.636.512.349)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(1.660.927.775)	(2.025.281.824)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>681.656.521</u>	<u>10.636.512.349</u>
Số cuối kỳ	<u>(1.660.927.775)</u>	<u>(2.025.281.824)</u>

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	74.813.281.762	27.200.079.089	15.869.412.901	2.892.162.566	120.774.936.318
Tăng trong kỳ	320.731.483	1.499.562.990	344.220.000	-	2.164.514.473
<b>Trong đó:</b>					
Mua mới	320.731.483	1.194.905.000	344.220.000	-	1.859.856.483
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	304.657.990	-	-	304.657.990
Thanh lý	(108.231.000)	-	-	-	(108.231.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	75.025.782.245	28.699.642.079	16.213.632.901	2.892.162.566	122.831.219.791
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	17.135.630.225	9.504.995.652	5.918.523.456	1.000.212.228	33.559.361.561
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(38.706.929.136)	(18.912.012.376)	(11.009.683.536)	(1.917.116.588)	(70.545.741.636)
Khấu hao trong kỳ	(2.807.066.152)	(1.499.461.459)	(776.530.898)	(194.104.009)	(5.277.162.518)
Thanh lý	61.631.549	-	-	-	61.631.549
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(41.452.363.739)	(20.411.473.835)	(11.786.214.434)	(2.111.220.597)	(75.761.272.605)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	36.106.352.626	8.288.066.713	4.859.729.365	975.045.978	50.229.194.682
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	33.573.418.506	8.288.168.244	4.427.418.467	780.941.969	47.069.947.186

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Bản quyền	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	40.684.335.409	683.523.824	2.600.000.000	43.967.859.233
Mua mới trong kỳ	-	668.150.000	-	668.150.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	40.684.335.409	1.351.673.824	2.600.000.000	44.636.009.233
<b>Trong đó:</b>				
<b>Đã khấu hao hết</b>	586.390.520	254.663.824	-	841.054.344
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(4.139.922.000)	(501.539.254)	(223.437.503)	(4.864.898.757)
Hao mòn trong kỳ	(144.701.722)	(87.243.338)	(95.000.004)	(326.945.064)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(4.284.623.722)	(588.782.592)	(318.437.507)	(5.191.843.821)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	36.544.413.409	181.984.570	2.376.562.497	39.102.960.476
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	36.399.711.687	762.891.232	2.281.562.493	39.444.165.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Quyền sử dụng đất	11.903.862.672	11.903.862.672
Khác	241.023.300	540.181.290
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.144.885.972</u></b>	<b><u>12.444.043.962</u></b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	% sở hữu	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nam An	70,00	4.200.000.000	70,00	4.200.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	83,74	3.349.764.000	83,74	3.349.764.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>7.549.764.000</u></b>		<b><u>7.549.764.000</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.978.168.975)		(3.607.574.583)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b><u>3.571.595.025</u></b>		<b><u>3.942.189.417</u></b>

**Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nam An ("NAS")**

NAS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 270300045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 21 tháng 1 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Trụ sở chính của NAS tại Xã Diễn Thịnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của NAS là mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp, và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.

**Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam ("SSE")**

SSE là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của SSE theo GCNĐKKD là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Hiện tại, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để xin phá sản theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.111.764.762</b>	<b>1.010.105.845</b>
Tiền thuê đất	670.604.903	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo	542.666.290	397.655.618
Công cụ, dụng cụ	369.056.144	169.412.116
Khác	529.437.425	443.038.111
<b>Dài hạn</b>	<b>4.362.528.362</b>	<b>4.491.958.876</b>
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.033.807.717	1.956.967.442
Công cụ, dụng cụ	419.037.492	723.411.919
Khác	1.909.683.153	1.811.579.515
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.474.293.124</u></b>	<b><u>5.502.064.721</u></b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả bên khác	9.885.006.973	14.370.868.762
Viện lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long	1.929.737.700	-
Trung Tâm Khuyến Nông Quốc Gia	1.449.132.000	382.892.000
Sichuan Longping High-tech Co.,Ltd	708.156.806	4.867.181.892
Sichuan Nongda High-tech Co.,Ltd	-	2.274.610.950
Asia Pacific (NZ) Ltd., Co., Ltd	-	1.660.103.788
Các nhà cung cấp khác	5.797.980.467	5.186.080.132
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 27)	9.536.991.000	4.122.639.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.421.997.973</u></b>	<b><u>18.493.507.762</u></b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	615.914.000	-
Ông Đào Văn Ngọc	413.683.486	1.200.000
Khác	3.067.677.644	841.231.253
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.097.275.130</u></b>	<b><u>842.431.253</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải trả trong kỳ	Số đã trả/cán trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	41.905	124.514.424	124.556.329	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.541.076.658	2.197.781.815	4.541.076.658	2.197.781.815
Thuế thu nhập cá nhân	121.815.105	1.047.857.112	1.085.337.700	84.334.517
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.662.933.668</u></b>	<b><u>3.370.153.351</u></b>	<b><u>5.750.970.687</u></b>	<b><u>2.282.116.332</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.177.405.967	346.247.775	647.063.241	2.876.590.501
Các loại thuế khác	-	945.872.571	867.444.340	78.428.231
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.177.405.967</u></b>	<b><u>1.292.120.346</u></b>	<b><u>1.514.507.581</u></b>	<b><u>2.955.018.732</u></b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí bản quyền	2.256.981.677	2.636.090.229
Chi phí lãi vay	-	628.144.321
Khác	886.171.781	953.627.921
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.143.153.458</u></b>	<b><u>4.217.862.471</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền thuê đất	1.570.487.199	-
Tạm ứng từ Quỹ Thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF")	1.416.604.000	1.416.604.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.124.817.056	803.317.056
Cổ tức phải trả	1.063.374.000	1.063.374.000
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	535.636.834	274.937.060
Kinh phí công đoàn	260.914.385	53.662.535
Khác	2.687.575.282	2.119.583.277
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.659.408.756</u></b>	<b><u>5.731.477.928</u></b>

**18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	3.200.301.335	4.601.438.396
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 20.1)	2.854.410.400	4.106.573.844
Sử dụng quỹ trong kỳ	(6.054.711.735)	(2.867.156.971)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.840.855.269</u></b>

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 19. VAY NGÂN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.304.768.864	4.300.000.000	10.304.768.864	4.300.000.000
Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:				
Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)		Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	4.300.000.000		Ngày 17 tháng 9 năm 2017	5,2%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.300.000.000</b>			

## Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	99.385.502.276	100.161.302.092	357.173.597.140
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	21.886.539.120	21.886.539.120
Trích lập quỹ	-	-	-	6.771.369.078	(6.771.369.078)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.106.573.844)	(4.106.573.844)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(29.984.734.000)	(29.984.734.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	106.156.871.354	81.185.164.290	344.968.828.416

#### **Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	93.495.828.385	95.566.942.167	346.689.563.324
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	21.070.819.470	21.070.819.470
Trích lập quỹ	-	-	-	5.352.019.497	(5.352.019.497)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.854.410.400)	(2.854.410.400)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát	-	-	-	-	(217.350.000)	(217.350.000)
Khác (*)	-	-	-	(1.848.780.922)	-	(1.848.780.922)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	96.999.066.960	108.213.981.740	362.839.841.472

(\*) Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 10 năm 2016, tất cả các chi phí trực tiếp phục vụ cho hoạt động nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Giống Cây trồng Miền Nam ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí quản lý sẽ được sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư và phát triển. Theo đó, Công ty đã tiến hành ghi nhận các chi phí nghiên cứu trực tiếp phát sinh trong kỳ vào Quỹ đầu tư và phát triển với tổng số tiền là 1.848.780.922 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		VND
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>149.923.670.000</u>	<u>149.923.670.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	-	29.984.734.000

**20.3 Vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		Cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu quỹ	(61.412)	(61.412)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.930.955	14.930.955

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>288.189.862.307</b>	<b>258.142.771.493</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	282.447.760.892	210.934.892.395
Doanh thu bán hàng hóa	5.394.131.873	44.417.593.726
Doanh thu cung cấp dịch vụ	347.969.542	2.790.285.372
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(28.081.066.232)</b>	<b>(34.427.436.606)</b>
Hàng bán bị trả lại	(9.884.362.809)	(20.788.459.209)
Chiết khấu thương mại	(18.075.077.423)	(12.611.369.797)
Giảm giá hàng bán	(121.626.000)	(1.027.607.600)
<b>DOANH THU THUẬN</b>	<b>260.108.796.075</b>	<b>223.715.334.887</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	228.765.013.581	216.161.192.887
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	31.343.782.494	7.554.142.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**21. DOANH THU** (tiếp theo)

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		VND
Lãi tiền gửi	384.736.220	769.022.813
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.089.051	436.713.873
Hỗ trợ lãi vay vốn	1.289.418.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.724.243.271</u></b>	<b><u>1.205.736.686</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	370.594.392	371.377.835
Chi phí lãi vay	178.659.568	2.823.783.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá	132.324.522	29.638.563
Khác	155.122.000	377.586.520
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>836.700.482</u></b>	<b><u>3.602.385.982</u></b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>16.147.745.647</b>	<b>18.474.507.124</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.296.280.603	7.248.214.230
Chi phí nhân viên	3.139.343.877	2.727.381.873
Chi phí nguyên vật liệu	737.538.669	630.104.085
Chi phí khấu hao và hao mòn	342.395.166	93.073.560
Chi phí khác	5.632.187.332	7.775.733.376
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>23.151.473.690</b>	<b>17.948.535.757</b>
Chi phí nhân viên	8.882.262.282	7.757.859.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.574.852.851	3.403.042.196
Chi phí khấu hao và hao mòn	950.636.029	1.251.147.701
Chi phí nguyên vật liệu	914.530.109	507.832.654
Chi phí khác	6.829.192.419	5.028.653.358
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.299.219.337</u></b>	<b><u>36.423.042.881</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu	158.589.507.107	154.420.049.080
Chi phí nhân viên	30.030.551.332	26.836.921.100
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	5.604.107.582	5.731.899.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.325.300.623	14.923.516.772
Chi phí khác	15.022.033.199	14.565.801.767
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>224.571.499.843</u></b>	<b><u>216.478.188.391</u></b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>880.904.136</b>	<b>18.596.646</b>
Cho thuê tài sản	675.000.000	-
Thu nhập khác	205.904.136	18.596.646
<b>Chi phí khác</b>	<b>(639.699.930)</b>	<b>-</b>
Đền bù cho sản phẩm kém chất lượng	(370.465.972)	-
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	(104.440.818)	-
Chi phí khác	(164.793.140)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>241.204.206</u></b>	<b><u>18.596.646</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% của thu nhập chịu thuế.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty thỏa mãn điều kiện miễn, giảm thuế nên đã áp dụng thuế suất thuế TNDN lần lượt là 10% và 5%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thuế TNDN hiện hành	2.197.781.815	1.007.589.424
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.076.996.837	2.168.302.458
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.274.778.652</u></b>	<b><u>3.175.891.882</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>25.345.598.122</u></b>	<b><u>25.062.431.002</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi	2.919.415.934	1.253.121.550
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	196.380.170	25.000
Khác	1.158.982.548	1.922.745.332
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b><u>4.274.778.652</u></b>	<b><u>3.175.891.882</u></b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
			VND	
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.507.958.971	3.804.422.857	(2.296.463.886)	(2.064.564.942)
Dự phòng hàng tồn kho bị hư hỏng	191.312.866	-	191.312.866	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	194.729.091	166.574.908	28.154.183	(103.737.516)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b><u>1.894.000.928</u></b>	<b><u>3.970.997.765</u></b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b><u>(2.076.996.837)</u></b>	<b><u>(2.168.302.458)</u></b>

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ trọng yếu của công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nam An	Công ty con	Bán hàng	8.041.076.464	8.043.250.000
		Hàng bán bị trả lại	99.336.000	489.108.000
		Chiết khấu thương mại	935.479.072	227.245.400
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Trung Ương	Công ty mẹ	Bán hàng	23.874.114.830	-
		Hàng bán bị trả lại	472.072.800	-
		Mua hàng	5.810.172.728	-

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thoả thuận theo hợp đồng.

Chi tiết tiền lương và các chi phí liên quan của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và các chi phí liên quan	<u>980.925.383</u>	<u>771.599.994</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu, phải trả từ các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Giá trị	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	Công ty con	Bán hàng	4.854.706.754	6.718.652.226
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty mẹ	Bán hàng	23.552.911.344	-
			<b>28.407.618.098</b>	<b>6.718.652.226</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</b>				
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty mẹ	Mua hàng	24.504.805	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Cho vay	1.124.287.000	1.124.287.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Thu nhập lãi	468.188.697	468.188.697
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Mua tài sản cố định	1.239.000	1.239.000
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty mẹ	Mua hàng	9.535.752.000	4.121.400.000
			<b>9.536.991.000</b>	<b>4.122.639.000</b>

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	1.862.678.952	2.100.128.952
Từ 1 đến 5 năm	6.519.376.332	7.140.269.316
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.382.055.284</b>	<b>9.240.398.268</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**29. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	349.750.544	349.750.544
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.908	1.927
- Euro (EUR)	1	1

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án mua 1.470.000 cổ phiếu của Công ty, tương ứng tỷ lệ 9,9% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Thời điểm mua được xác định từ ngày Ủy ban Chứng khoán phê duyệt hồ sơ đến ngày 31 tháng 10 năm 2017 và giá mua là giá giao dịch tại từng thời điểm mua được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.


Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Đoàn Xuân Khánh Quyên  
Người lập



Lê Quang Hồng  
Kế toán trưởng

Bùi Quang Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

